

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2018
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **ĐỖ KHÁNH HÀ**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **TRẦN THỊ HIẾN**

Bà **LÊ THỊ HOA**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ VÂN** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Bà **CAO THỊ HẢI** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T** - sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường N, thị xã N, Khánh Hòa.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T** - sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường N, thị xã N, Khánh Hòa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà tự nguyện kết hôn với ông Lê Văn T vào năm 1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 10/5/1993. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình, đồng thời còn ghen tuông vô cớ, có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bà đã xảy ra nhiều năm nay, hiện nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Bà nhận thấy

không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa, nay bà xin ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà và ông Lê Văn T có 02 con chung là Lê Quỳnh N- sinh ngày 07/3/1994 và Lê Quang L - sinh ngày 16/02/2000. Các con chung đã trưởng thành nên bà không có ý kiến.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông với bà Trần Thị T kết hôn trên tin thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hoàn toàn do lỗi của bà T vì bà T có quan hệ tình cảm với người khác. Thời gian gần đây bà T thường xuyên không có mặt ở nhà vào ban đêm, đi về rất khuya, thậm chí đi cả đêm không về. Ông đã khuyên can bà T nhiều lần nhưng bà T vẫn không thay đổi. Ông thừa nhận là đôi khi nóng giận thì ông cũng có lời lẽ xúc phạm bà T nhưng nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương bà T. Ông cần thời gian để thay đổi bản thân, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị T có 02 con chung là Lê Quỳnh N - sinh ngày 07/3/1994 và Lê Quang L - sinh ngày 16/02/2000. Các con chung đã trưởng thành nên ông không có ý kiến.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Cuộc sống hôn nhân của bà Trần Thị T và ông Lê Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà T và ông T có 02 con chung là Lê Quỳnh N - sinh ngày 07/3/1994 và Lê Quang L - sinh ngày 16/02/2000. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị T xin ly hôn ông Lê Văn T, các con chung đã trưởng thành, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn T đăng ký kết hôn trên tin thân tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/1993 ngày ngày 10/5/1993, đây là hôn nhân hợp pháp. Các bên đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không phải lỗi của mình, mà là do lỗi của người bên kia.

Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2018 tại tổ dân phố 11, phường N, thị xã N cũng thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà T đã phát sinh từ nhiều năm nay, hiện nay vợ chồng ông T và bà T mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông T xuất phát từ việc vợ chồng thiếu sự tôn trọng, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Tình trạng này đã phát sinh từ lâu và kéo dài đến hôm nay nhưng cả hai không cùng nhau giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn T có 02 con chung là Lê Quỳnh N - sinh ngày 07/3/1994 và Lê Quang L - sinh ngày 16/02/2000. Các con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T. Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Các con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004040 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã N;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án.

Đỗ Khánh Hà